

白雲詩集

Bach vân thi tập.

其一

Thứ nhất

18.

格	矧	日	戈	臘	戈
Lân ²	thân	ngày	qua	tháng	qua
沒	番	春	細	沒	番
Một	phen	xuân	tí	một	phen
寢	憂	戔	戔	臘	活
Quí	uất	vang	vac	giảng	in
名	利	凌	凌	躋	退
Danh	lợi	lêng	lêng	gió'	hoa
案	冊	唉	群	案	翫
Án	sách	hay	còn	án	sách
活	嫩	伴	貝	活	嫩
Nuôi	nor	bản	vối	nuôi	nor

其二

Thứ nhì

XU-8

霸	整	篆	諱	來	台	
Giaū	chinh	chen	kho'	lei	nhai	thoi
運	轉	流	通	虧	貼	埃
Vân	chuyen	lieu	thong	hai	cuoi	ai.
憤	怒	稽	欺	向	罷	堵
Vung	no	ghê	khi	lam	bai	cik.
未	箕	固	暎	津	凡	砧
Chai	chia	co	thuô	luh	hon	gau
2a						
坤	頑	買	惄	升	時	降
Khon	nguan	moi	bieu	thang	thi	giang
瘦	懊	帛	哈	小	固	大
Dai	rak	nao	hay	tiêu	co	otai
屈	屈	包	餽	時	吏	憲
Dau	khuat	ba	nhiu	thui	lai	tui
道	亾	弄	弄	極	兮	差
Dao	gioi	long	long	chang	he	sai

其 三.

Tuy tam.

霸 巴 餋 諱 台 塜.

Giaū ba biā kho' hai niêu.

XU-9

20.

安	分	時	欣	渴	每	調
Yên	phân	thời	hân	khát	mỗi	tiêu
渴	旺	茶	梅	啼	兀	兀
Khát	uong	ché	mai	hái	ngô	ngô
猝	祺	軒	月	邇	囂	囂
Sát	ké	hiên	nguyệt	gió	hiếu	hiếu
江	山	參	幅	界	幘	圉
Giang	sơn	tam	broad	lai	tranh	võ
花	草	蜀	勝	以	錦	統
Hoa	cỏ ²	tu	mùa	aj	gấm	thêu
從	且	巖	号	南臥	剗	賦
Chóng	tha	hòn	khuya	nám	són	théc
閑	萬	色	隊	德	季	堯
Muôn	vạn	đa	đội	đức	giòi	Nghiêu

其 四

Thứ tư

霸	糉	肉	舌	蘋	糉	萋
Giàu	còn	thịt	kho'	còn	rau	.
安	分	畀	仙	路	沛	求
Yên	phân	la-	tiên	lộ	phải	cầu

3a

割	咗	茶	椿	啼	𠵼	𠵼.
Sang	wóng	ché	thóng	hái	ngóh	ngóh.
歇	棋	軒	月	𠵼	𠵼	𠵼.
Hóm	ké	hién	nguyét	to ²	lâu	lâu
揜	椿	洒	萬	巴	繩	闇.
Vun	thóng	tuí	cúc	ba	thâng	bé'.
堵	侷	燄	茶	沒	姥	侯.
Đo ²	lia̤	hâm	ché	mõ̤	mú	haū.

其五。
Ky - ngū.

Trad.

霸	鄙	得	重	諱	埃	睭.
Giáu	sang	nguïi	trọng	kho'	ai	nhin'.
余	胞	悽	為	仇	呴	間.
May'	gia	yeu	ui	ke'	nho̤	nhang'.
暭	諱	啞	嘲	嘲	拱	朗.
Chuo ²	kho'	daṳ	cháo	chao̤	cung	lang'.
欺	霸	極	晦	晦	時	悄.
Khi'	giáu	chang	hói	hói	thí	quán.
悄	嫌	間	掃	調	𠂇	伴.
Quen	hiém	gian	giú	diêu	lám	ban.

38.

朗	矯	鄰	羅	娑	播	綿
Láng	keo'	lân	la	nôi	vô'	min
道	怒	義	尼	霖	嘴	.
Đạo	nô	nghiā	nay	trâm	tiêng	.
贊	催	請	請	吏	銅	錢
Nghé	thôi	thỉnh	thỉnh	lai	dông	tien

其 六

Ký lục

榮	辱	巴	番	罕	𠙴	曾
Vinh	nhục	ba	phen	hǎn	dā	tung
懸	得	事	世	凌	凌	.
Long	nguội	sự	thé̄	lāng	lāng	.
嘴	辰	𠂇	午	吱	𠂇	痾
Khen	thôi	nén	ngù	chē	nén	dai
跌	必	拯	歐	特	拯	幃
Mål	äl	chång	âu	duic	chång	mång
固	埃	惻	特	惠	知	已
Có	ai	biël	duic	long	trí	ký
嵒	嵒	嫩	高	月	沒	暉
Voi	voi	non	cao	nguyệt	mõl	vâng

4a

其 七
Tuy - thail.

位	位	春	擰	女	仙
Vai	vai	xuan	xanh	nui	tiem
霸	強	跔	諱	強	紓
Guau	cang	kho'e	kho'	cang	b'en
隊	番	吝	櫛	為	疎
Dae	phen	lan'	quai	ui	dai
每	事	羅	陀	叟	惄
Mai	sue	la	da-	bui	nuoc
時	演	解	煩	棋	汰
Ngay	dien	giao	phiem	co	moh
膀	清	𠂇	伴	冊	台二
Dem	thanh	lam	ban	sach	hai
所	尾	出	處	兜	沛
Chua	nei	xuai	xu	tau	phai
釐	必	誠	蹠	拱	必
O'	ai	nien	ve	cung	ai
					nien

4b.

其 八
Tuy - lai.

覽	談	青	雲	趾	磅	壇	traduct
Thay	dám	thanh	vân	buié	ngai	chen.	
特	間	些	舍	養	身	間	.
Điều	nhan	ta	xá	đuống	thán	nhan.	
巴	間	庵	館	惠	恒	恆	.
Ba	gian	am	quán	long	hang	mén.	
隊	准	山	河	麵	奄	梢	.
Đội	chon	sòn	ha	mặt	da	guen.	
清	永	趣	圭	油	包	那	.
Chanh	vang	thú	quê	lú	ba	ná.	
與	善	啞	世	默	吱	嘴	.
Dứ	Ru	lành	miêng	thé	mắc	chê	khen.
梅	箕	諧	颺	秋	械	閻	.
Mai	kia	chua	de	thu	ném	muôn.	
春	怒	唔	花	拱	余	番	.
Xuan	no	tin	hoa	cung	maj	phen.	

5a

其九.

Thy- cùu.

traduct

命	釐	丕	虧	沛	求
ebenh	ə ^o	giwi	hai	phai	cuu

XLI, from 26

隊	時	趨	壯	默	些	油.
Dai	thi	di	đ壯	máć	ta	dâu.
箕	埃	隘	北	腋	扱	印.
Khi	ai	ài	bắc	lensing	deo	xin.
怒	客	汎	東	辆	撫	勾.
No	khách	ngoái	dòng	tay	du	câu.
暭	盞	功	名	趨	沛	累.
Chuo	áng	công	danh	di	phái	luy.
勦	坭	隱	逸	買	械	年.
Eung	nói	xin	dai	mói	nén	máu.
貳	尼	盈	滿	罪	尼	損.
Ehia	nói	danh	mān	la	nói	tòn.
唉	盼	未	台	買	矯	歐.
Hay	nói niêm	cho	hay	mói	keo	au.

58.

其十
Ky thap.

惻	道	時	公	卷	固	私.
Biel	dao	thoi	công	giu	có	tu.
貳	尼	出	處	懇	朱	咍.
Ehia	nói	xuát	xu	ngâm	cho	hay.

瓢	箕	山	珥	帛	埃	負
Bầu	kia	sơn	nhe	não	ai	phu.
筆	玉	堂	青	和	𠂇	咍.
Bút	ngoc	tương	thanh	hoa	he'	hay.
釐	世	夥	得	痴	呂	
Or'	thé'	nhiều	người	dai	lo^~.	
𠂇	耦	余	𠂇	坤	宣正.	
Lâm	giao	mál	ke'	khôn	ngay.	
仍	仍	每	事	它	逃	渴.
Nhưng	nhưng	mỗi	sự	đá	ngoài	hél.
閒	沒	時	異	仙	沒	時.
Nhàn	mò	ngay	là	tiên	mò	ngay.

6a

十 一
Chap nhai.

脣	莽	它	戈	暭	𠂇	末	Traslat.
Cháng	mảng	đá-	qua	ngay	đá^~	ròi	
咍	安	𠂇	分	買	誠	惄.	
Hay	yên	thu้า	phan	mái	nén	nuí.	
𦨓	花	庚	動	庵	諸	佛.	
Bong	hoa	lé	động	am	chu'	Phäl.	

栏	竹	群	鲜	炮	買	燭
Máng	trúc	còn	tuối	bép	mái	soi.
會	盞	功	名	夥	安	志.
Hội	áng	công	danh	nhiều	thoả	chí.
趣	閒	山	野	余	咍	味.
Chí	nhan	sơn	da ^{mới}	máy	hay	mui.
以	得	滑	覓	才	虧	悞.
Lâm	nguội	chò	thay	tai	ma	cây.
固	銳	包	餽	吏	固	頹.
Có	nhuệ	ba	nhiều	lai	có	đồi.

十 二

Chap nhì.

跋	艱	危	屯	余	番	Traduit
Crǎi	gian	nguy	da ^{mới}	máy	phen.	
身	閒	福	吏	特	猢	閒.
Chân	nhan	phúc	lai	triệu	ve	nhan.
念	哲	忠	愛	嚮	庄	負.
Niệm	xuâ	trung	ài	thé	chang	phi.
景	巒	田	園	趣	屯	涓.
Cảnh	cù	tiên	viên	thú	da ^{mới}	guen.

巴	卷	圖	書	收	礮	穢
Ba	quyen'	do-	thu	thu	nang	tui.
沒	船	風	月	翥	浩	抒.
Mok	thuyen	phong	nguyet	chua	tay	then.
厃	拱	惻	圮	善	與	.
Guu	cung	beul	nui	lanh	du	.
禍	福	庄	容	丐	遷	璫.
Hoa,	phu	chang	dung	cai	toi	chen.

7a

十 三

Thập tam

Traduit

特	輸	覽	屯	已	夥	番.
Deuc	thua	thay	tao	al	nhiuu	phen.
底	汜	功	名	樹	祉	閒.
De	daiy	công	danh	dai	lay	nhan.
庵	白	雲	耒	闇	興	.
Am	Bach	vân	roi	nhan	hung	.
琰	紅	塵	永	矴	璫	.
Dam	hong	tran	vang	ngai	chen	.
時	近	合	穉	花	𠙴	客.
Ngay	chay	hop	mai	hoa	lam	khach.

脂	永	咍	恚	月	𠂔	烟.
Dêm	vang	hay	long	nguyél	aȳ	den̄.
渚	渚	惄	惄	睭	買	惄.
Chó'	chó'	thō-	o	nhin̄	mái	bíel̄.
覩	時	輪	覩	墨	時	顛.
Do'	thoī	son	dō'	nue	thoī	den̄.

7B.

XL1, 18

		十	四		
		Chap	tuī.		franckh
學	𠂔	辰	添	吏	才.
Hoc	il	thī	them	lāi	tāī.
姥	鷯	隗	負	志	𦥧.
Giā	mā	luonḡ	phū	chī	giā traī
君	親	嚙	鶴	恚	𣵤.
Quan̄	thân̄	thē-	hel̄	lonḡ	thō-
出	處	求	諸	道	特
Kuâl	xūī	caū	chiā	daō	台.
穆	福	拏	檼	停	𠂔.
Mong	phuc	nuen̄	giónḡ	dunḡ	乃.
門	𠂔	午	矯	沛	𢃊.
Cuā	nho	ugō'	keō	phaī	𢃊.

安 隊 分 油 有 在.
 Yen dāi phān dù tūi tāi.
 善 與 嘴 吻 拱 默 埃.
 Lanh, dūi, khen, chē cung māc ai.

8a

十五。
 Chấp ngũ.

Traduit —

惱	時	丙	賈	盜	刀	兵
Buôn	thoī	biêng	tháī	dám	dao	binh.
安	分	時	善	釐	沒	躺.
Yen	phān	thoī	lanh	l'ə̄	mə̄l	mīnh.
義	奇	隣	肩	碎	主	曩.
Nghiā	cā'	lūng	quen̄	tōī	chuaī	cū̄.
譬	誓	女	負	溺	嫩	撐.
thē	xuā	nō̄	phū	nước̄	non̄	xanh.
未	閒	時	忍	儻	無	事.
Rȭ	nhan̄	thoī	nhón̄	tién̄	uō̄	sū.
吟	嘆	朱	誠	景	有	情.
Ngâm	nghī	chō	nēn̄	cảnh̄	huī	tinh̄.
台	字	滿	盈	尼	可	禁.
Lhaī	chuī	mān̄	danh̄	naȳ	khaī	ngām̄.

余 得 論 特 驛 身 名.
 Mái nguyê̄n tron duoc chui thân danh.

88.

十 六
 Chapter 16.

franklin

穢	它	外	參	進	懿
Cuối	đá	ngoại	tham	muối	giá
卒	卒	貼	平	膝	馭
Chun	thuỷ	xem	bằng	bóng	qua
梅	鉤	冷	悄	翹	脣
Mai	bạc	lạnh	quen	nhiều	tháng
菊	鑽	添	樹	余	番
Cúc	vàng	thêm	dέ̄i	mái	hoa
霸	固	分	畀	恩	主
Giả̄u	có	phản	lai	ờn	chúa
特	而	得	黜	德	咤
Đuoc	lâm	nguyê̄n	bỏ	đéc	cha
庵	館	賜	閑	末	役
Am	quán	ngay	nhan	rồi	mối
油	些	自	在	默	油
Dầu	ta	tự	tai	mac	ta

XLI, page 24

9a

十
Thập

thâi

thâi

鞋	在	塊	盞	功	名.
Giày	tâi	khoái	đám	công	danh.
自	在	吊	歐	累	鉏
Cứ	tai'	náo	âu	luy	đen
閑	特	趣	主	油	包
Nhàn	tiêu c	thúi	quê	đu	na'
惜	貼	世	事	炳	擗
Nghি	xem	thé	sự	biêng	tranh
林	湖	船	漫	花	梅
Lâm	hô	thuyền	nǎi	hoa	mai
隘	北	琴	控	月	暉
Đèi	bắc	cán	xwang	nguyệt	vâng
埃	晦	𠂇	之	懶	女.
Đèi	hi	lâm	chí	nu	nuă
蹠	娘	沒	事	𠂇	善.
Chua	rāng	mò	sự	lâm	lành

9a

十
Thập

bâi

沒	飄	沒	鉢	凭	山	增.
Mò	bāo	mò	bát	ming	sơn	tăng.
世	事	逃	聰	炳	呐	能.
Thế	sự	ngoài	tai	béng	nói	năng.
花	安	淹	台	信	邀	.
Hoa	an	lụng	thay	tin	gió	.
潭	清	群	凭	糊	肢	.
Dàn	thanh	còn	thay	sang	giảng.	.
榦	埃	鳩	檜	𠂇	檜	.
Gia	ai	u	thông	lâm	cùi	.
雞	得	快	竹	茱	桔	.
Che	người	yêu	trúc	mù	màng.	.
鳴	固	功	名	時	固	累.
Nèu	cô	công	danh	thời	cô	累.
朱	咍	油	固	極	朋	庄.
Cho	hay	du	cô	chẳng	bằng	chẳng.

10 a

十 九
Chập cùm.

耕	達	掬	月	梗	煙	霞.
Cày	mây	cuvé	nguyệt	ganh	yên	há.

XLI / Seite 27

𦨇 /

吊	貼	吊	庄	沛	貼	些
Náo	cuả	náo	chảng	phải	cuả	ta.
𦨇	盞	𦨇	貼	𡿯	竹	.
Đêm	áng	bưng	xem	bong	trúc	.
𦨇	悰	遡	退	𠙴	花	.
Ngay	chò	gió	thoái	tin	hoa.	
赁	机	盈	滿	朱	咍	渚
Chay	cô	danh	mãn	cho	hay	chò.
沛	道	中	常	余	固	戈
Phai	lào	trung	thường	máy	có	qua.
哨	祉	聖	經	尼	𠂔	學
Dau	lai	thanh	kinh	nay	thuâ	hoc.
誓	蒸	出	處	道	榦	咤
Chê	chung	xuâ	xuâ	dao	tha-	cha.

108

二. 十

Nhí thấp

覩	銳	包	餽	吏	同	頰
Néu	nhue	ba	nhiêu	lai	có	toi.
瞷	机	造	化	色	強	熗
Prom	cô	tao - hoa	da	caig	sae	.

為	名	朱	沛	名	向	累
Vi-	danh	cho	phai'	danh	lam	luy.
特	道	辰	咍	道	固	味.
Đipec	dao	thi-	hay	dao	co	mui.
盈	功	名	貼	雉	乃	
ding	công	danh	xem	tre^	nai.	
尼	名	教	覩	嘴	惄	
Ni	danh	giao	thay	khen	ui.	
南	湖	固	客	青	船	悶
Nam	ho-	co'	khach	thanh	thuyen	mon.
條	月	晤	清	戯	羣	梅
Chò	nguyệt	dem	thanh	he	bong	mai.

11 a

二 十 一

nhei' thap nhai'. haduit.

纖	姥	買	參	進	台
En	gia	mai	tam	muoi	hai.
每	貼	仍	仍	覩	色
mai	cuoi	nheung	nheung	thay	ngoai.
安	分	些	鬧	特	趣.
Yen	phan	ta	nhan	tuoc	thui.

XII, page 31

固	拥	得	重	而	才.
Có	dung	nguội	trọng	lâm	tai.
鷗	鳴	花	洞	時	春 問.
Chim	kêu	hoa	dòng	thời	xuân muôn.
月	鉢	𦨇	清	興	客 駭.
Nguyệt	bạc	đêm	thanh	hưng	khách dài.
恩	主	色	殼	諸	報 答.
Ôn	chúa	đá	nhiều	chùa	báo đáp.
惠	群	更	竟	凶	坤 奈.
Long	còn	cánh	canh	ál	khôn nai.

118

	二	十	二	
	Nhị	thập	nhi	.
檜	路	鑄	梅	路 頽.
Cypress	lộ	vang	mai	lo den.
拥	它	默	貼古	自 然.
Dung	ta	mạc	cuả	tu nhiên.
熳	羌	竹	釐	台 肉舌.
Sor	máng	trúc	đang	thém hay thil.
拉	襖	葛	蘇	矯 瓊.
Say	ao	sô	to	lạnh héo chiên.

伴	固	鯀	魚心	油	特	趣.
Ban	có	caí,	tôm	đu	đu	thí.
荆	庄	車	駕	墨	空	權.
Cùa	châng	xe	ngựa	bò	không	quyền.
時	時	溝	酒	鬧	無	事.
Ngay	ngay	tôu	sái	nhan	vô	sự.
雖	諸	界	仙	以	乙	仙.
Euy	chua	lai	tiên	ay	il	tiên.

12 a

	二	十	三	
	Nhì	thập	tam	
係	祿	朝	官	固
Hết	loc	triều	quan	có
而	之	貪	特	辱
Lam	chi	tham	đu	nhục
隘	秦	嫩	蜀	塘
Đi	Gân,	non	Chuc	đu
荆	孔	廊	顏	嶺
Cùa	Khổng,	lang	Nhan	嶺
冊	龜	巴	舖	中.
Sách	cù	ba	pho	khán

甘	鑽	台	餡	尉	辰	妥
Còn	vang	hai	bua	doé	thi	an
功	名	委	坦	恩	群	廣
Công	danh	gui	dai	on	côn	rông
寔	遺	調	和	矯	詣	禎
Che	cho	tiêu	hoa	keo	chiu	chan

128.

	二	十	四	
	Nhi	thai	tui	
穢	疎	瘦	性	雷
Gia	tho	dai	tinh	toi
選	沛	群	誠	說
La	phai	côn	nien	thuyet
嶄	險	畀	欺	為
Nghieu	heim	la	khi	ui
褲	巾	油	侷	蓋
Kho	khan	du	menh	o
永	催	塘	利	坤
Vang	thoi	tuong	toi	khun
廣	狭	惠	仁	默
Rong	hep	long	nhan	mac
			nghi	ngoi

記	下	留	侯	辭	漢	祿
Di^-	hạ	Liu-	hau	tú	Hán	lộc.
谷	城	辱	隱	赤	松	邈
Cốc-	thành	nǎu	ǎn	Kích-	Tùng	chíi.

13 a

	二	十	五			
	Nhi	thập	ngũ.			
為	名	朱	沛	累	隊	番
Vi-	danh	cho	phái	luy	đội	phen.
分	褲	巾	智	必	色	悄
Phân	kho'	khăn	xưa	ál	dāi	quen.
剗	漫	馭	快	夥	客	重
Cuả	màn	người	yêu	nhiều	khách	trọng.
庵	花	埃	鳩	至	翁	閑
Am	hoa	ai	ú	lên	ông	nhan.
春	撐	坤	吏	惡	強	感
Xuân	xanh	khòn	lai	long	cāng	cām.
塘	紫	它	戈	跔	砾	璫
Đường	tía	đá-	qua	buić	ngai	chen.
愚	瘦	陳	陳	罪	性	鬚
Ngu,	dau'	trán	trán	lá	tinh	cú.

默 油 埃 拱 己 左 頤
 Mạc dù ai cung ĩ cháng ten.

13 B.

二	十	六			
Nhi	thập	lục			
𠂇	左	曾	負	祿	朝
cháng	tín̄g	phé̄	lòc	triều	quan.
吏	特	躡	閑	養	犧
Lai	đièc	vé̄	nhan̄	duê̄ng	tué̄i
涪	雪	燄	茶	帶	炮
Nuôi	tuyé̄l	ham̄	ché̄	duié̄	bé̄p
筆	花	點	冊	達	案
Bút	hoa	diém	sách	trên	yên.
狼	窟	時	惜	味	香
Nương	song	ngaȳ	tiếc	mùi	hiuong
婆	戰	𦵯	謳	靈	桂
Női	chén	dém	âu	bong	quê̄i
到	准	𦵯	惱	准	氏.
Đến	chón̄	nãō	nui	chón̄	aý̄.
油	些	自	在	固	埃
Dù	ta	tú̄	taī	có	than̄.

14a

	二	十	七.	
	Nhi	thập	thái	.
巴	茂	主	特	福
Ba	mai	chủ	đặc	phúc
恩	石	諸	曾	報
En	nǎng	chú	tòng	báo
六	老	箕	埃	閑
Luc	lão	kích	ài	nhàn
四	朋	怒	客	趙
Bei	béng	nó	khách	dài
恤	清	永	它	末
Vui	thanh	vĩnh	đá	rì
疎	艰	難	買	惻
Erai	gian	nan	mua	biết
令善	與	惠	取	坤
Linh	dui	long	nguội	khôn
籠	顛	蕩	除	biết
Lung	den	chó	tho	đuoc

二 十 八.
Nhi thập bát.

14B.

淡	机	快	博	树	吏	调
Mật	cơ	đẹp	nhọc	đỗ	lai	tiêu
快	包	饒	時	博	閉	饒
Đẹp	bao	nhiều	thời	nhọc	bí	nhiều
貪	沛	盈	功	名	累	.
Tham	phải	tâm	công	danh	luy	.
問	朱	琨	造	化	掠	.
Muốn	cho	con	tao	hoá	triệu	.
懶	回	洛	社	南五	巴	客
Vui	vui	Lac	xã	năm	ba	khách
另	准	南	陽	荅	沒	療
Linh	chôn	Nam	duong	đ	một	leu

15a.

二	十	九	.			
Nhị	thập	ciử	.			
得	與	時	些	免	固	善
Người	hợp	thời	ta	miễn	có	lành
而	之	都	恒	博	都	爭
Lâm	cho	đo	dần	nhọc	tua	tranh
剃	紅	蠅	因	為	永	.
Cuối	uống	nhện	nhân	wi-	vang	.

辯	脊	蝶	仗	黜	腥
Chán	gügen	rui	ây	bôi	tanh.
親	客	春	撐	場	富
Nhiều	khách	xuân	xanh	tương	phùi
余	得	頭	鉅	會	耆
Mai	người	tâu	bạc	hội	ký
色	逊	每	役	庄	群
Dà	ngoại	mỗi	viec	chàng	còn
約	沒	醉	賢	主	聖
Uoc	một	tối	hiền	chúa	thánh
				thanh minh.	

三十
Cam tháp.

15B.

曾	貼	冊	簪	沒	堆	勾
Cung	xem	sách	cù	một	dội	cùm.
免	道	誓	左	負	業	儒.
Maint	dao	the	chóng	phụ	nghiệp	nho.
窓	北	箕	埃	吟	彌?	月.
Song	bắc	kia	ai	ngâm	ve?	nguyệt.
樓	南	怒	客	噦	圓	秋.
Lầu	nam	no	khách	chen	vai	thu.

褲	巾	買	捌	得	君	子.
Kho'	khan	mai	bie'l	nguivi	quain	tue'.
危	險	辰	咍	節	丈	夫.
Nguy	hiem	thoi	hay	tie'l	truong	phu.
每	事	拯	群	默	縕	.
Mai	su	chau'ng	cun	mae	nay.	
買	咍	料	牋	沛	怙	.
Mai	hay	lieu	beung	phai'	lo.	

三	十	一	
Gam	thap	nhai'	
涪	嫩	帛	𠂇
Nuoc	non	nao	dau.
親	𠂊	公	𠂇
Nhiuu	il	cung	dau.
褲	拯	猪	累.
Kho'	chau'ng	giu'	luy.
特	庄	暴	謳.
Dui'e	chau'ng	ba	au.
英	雄	得	重.
anh	hung	nguivi	lam thuong.

16 a

trudest

(XLI, page 25)

隱	逸	些	咍	趣	固	牟
隱	逸	些	咍	趣	固	牟
隱	逸	些	咍	趣	固	牟

168.		三	十	二		Traduit
		Cam	thập	nhi		
遜	屯	疎	巒	屯	病	.
Cúc	đ屯	thưa,	ràng	đ屯	mòn	.
役	茹	屯	付	默	妯	琨.
Việc	nha	đ屯	phó	mặc	dâu,	con.
盤	棋	局	醜	圓	花	竹.
Bàn	cò	cuộc	núi	váy	hoa	trúc.
怖	檜	芹	勾	准	涪	嫩.
Bó	ciu	cân	cùu	chón	nuoc'	nun.
閑	特	趣	惱	咍	包	那.
Nhan	duoc	thui	vui	咍	bao	na.
餉	老	齒	彼	渚	鮮	言.
Bua	nhiêu	muoi	bi	chuoi	tue	ngon.

𠂇	辯	時	咵	春	它	閻
Chín	múi	thí-	ké'	xuân	đá-	muôn.
春	𠂇	弋	時	春	恰	群
Xuân	aj'	qua	thói	xuân	kháe	côn.

三	十	三
Cam	thập	tam.

17a

柂	庄	埃	禁	默	埃	拥
Lai'	cháng	ai'	cấm	máe	ai'	dung.
係	貼	自	然	𠂇	cuả	終
Hē̄	cuả	tu'	nhiên	aj'	cuả	chung.
嫩	若	固	味	懸	客	渚
Non	nuôc	có'	mùi	long	khae	chia.
旣	梅	而	伴	hứng	詩	濃
Enic	mai'	lám	ban	hứng	tho	nōng.
准	田	園	霸	油	從	且
Chón	dién	viên	củ	đu	thong	tha'.
道	聖	賢	砦	掩	祝	懞
Đao	thanh	hiến	xa	luông	choé	mong.
双	日	諸	娘	奄	幌	
Song	vui'	cho'	raing	da~	hò~	

鉅 兇 時 拱 圓 春 風.
 Dền dâu thới cung có xuân phong.

17B.

	三	十	四			
	Sam	Thập	Süé			
諸	妃	埃及	嚙	釋迦		
Chùa	rē	ai	lai	buk	Chieh - Ca.	
每	懃	人	我	忍	時 戈	
Mai	niem̄	nhân	ngā	nhambī	thoī qua.	
悉	無	事	賡	印	涪	
Long	vō	sū	giang	in	nuoc.	
貼	倘	來	躋	退	花	
Cuā	thoảng	lai	giō	thoī	hoa.	
耆	客	春	撐	欺	難	
Kȳ	khách	xuân	xanh	khī	nē.	
余	得	頭	鉤	穢	髡	
Māy	người	dâū	bac	tuwī	giā.	
清	閒	氏	必	畀	仙	
Thanh	nhân	āȳ	al̄	lā	tien	khach.
特	趣	些	陀	固	趣	些
Duīc	thú	ta	dā	có	thú	ta.

18 a

	三	十	五	
	Sam	thập	ngũ.	
覽	坭	盈	庚	朱
Tham	nôi	danh	lē	cho
貼	特	机	牟	買
Zem	dūc	cô	mâu	mói
景	固	浩	嫩	閒
Canh	có	nuôc	non	nhan
興	爲	詩	留	渚
Hsing	uī-	thō,	ruôu	chuā
拱	梆	鷗	鶩	曾
Cung	baȳ	aī,	lō	tung
塊	盞	功	名	吏
Khoī	ang	công	danh	laī
疋	黠	近	弔	憲
Ba	baȳ'	muoī'	naō	long
𠂇	得	簪	固	事
Lam	nguôī	chô̄	có	sū
				chain
				maȳ.

三 十 六
Sam thập lục.

18B.

黠	花	春	俎	拱	潭	歆
Co ^o	hoa	xuân	dĩn	cung	lâm	hâm.
秋	悶	堠	咍	竹	固	贊
Thu	mùn	ai	hay	trúc	cô	thom.
餕	女	負	羹	𧆸	漑	.
Chém	nô ^o	phu	canh	cua	loc	.
冷	色	涓	搭	鳩	苦	.
Lanh	da ^o	quen	táp	o ^o	rõm.	.
貼	些	群	底	台	鋪	冊
Cuả	ta	còn	de ^o	hai	pho	sách.
恩	主	拯	肩	沒	餲	糲.
On	Chúa	chăng	quen	mõl	biā	còn.
固	睂	蓮	樓	艱	恃	月.
Cô	thuô	trên	lâu	ngõi	giãi	nguyệt.
沒	駘	汪	吏	沒	駘	堪,
Mõl	minh	wing	lai	mõl	minh	kham.

xli n=4

19a

拯	械	底	十	七
Chăng	nén	de ^o	thập	thất.

恪	矧	翫	弋	隴	瘳	功.
Lán'	thán'	ngay	qua	luóng	nhoé	công.
君	子	買	咍	尼	出	處.
Quán	tú	mài	咍	nói	xuá	xu.
丈	夫	拱	固	志	英	雄.
Trưởng	phu	cung	có	chi'	anh	hung.
人	才	而	重	茂	帛	塊.
Nhân	tai	lám	trọng	đổi	não	khoi
天	下	拯	私	貼	𠵼	終.
Thiên	ha	cháu	tu	cuả	aj	chung.
景	巒	刎	群	嫩	洁	巒.
Cảnh	cù	ván	còn	non	nuôc	cù.
准	帛	羅	拯	准	春	風.
Chón	náo	lá	cháu	chón	xuân	phong.

19B.

性	疎	瘦	羈	唉	群	𢙏.
tính	tho	dai	cù	hai	còn	deo.
嚦	特	閒	時	矯	同	覩.
Néu	duoc	nhan	thoi	keo	có	ngheo.

渡	月	船	揖	台	罈	様
Bến	nguyệt	thuyền	kéi	hai	baī	máī.
庵	遽	剗	揖	沒	芹	標
Am	màī	cùa	kép	mòl	càin	tiêu.
鯨	魚心	鯨	遑	邊	箕	渡
Cá	tòm	hồng	ruic̄	ben̄	kia	bén̄.
檜	燭	時	謨	賈	怒	嵒
Cùi	duốc	ngaȳ	mua	máū	no	deo.
客	至	晦	吊	双	𠂔	女
Khách	zin̄	hɔī	nāo	song	viēl	nūā.
娘	群	沒	襍	詩	撩	𠂇
Rāng	còn	mòl	tuī	thō	treo	.

		三	十	九	
		Eam	thaīp	cùū.	
與	善	啞	世	默	吱
Dú	lanh	miêng	thé̄	máē	chen̄.
穢	色	耗	辰	每	事
Eūi	dā	giā	thoī	moī	恨
祿	礮	呵	情	恩	主
Lộc	nāng	khâī	quê̄n	on̄	chuá̄ nāng.

20 a

攢	誠	仍	亥	睞	功	誠
May	nén	nhiêng	lè	thuở	công	nén.
作	朝	官	黠	咍	懸	𠂔.
Eác	triều	quan	củ	hay	long	il.
伴	士	圭	哿	合	韁	涓.
Ban	sí	quê	xuâ	hop	môl	guen.
榮	辱	沒	机	恒	拉	樹.
Vinh	nhục	môl	cô	hang	râj	dôe.
凶	罪	曾	覩	沒	台	番.
Xi	la	tung	thây	môl	hai	phen.

四 十
Cuối thập

係	貼	自	然	固	𠂔	堯.
Hēv	cuā	tự	nhiên	có	il	nhiêu
沒	庫	造	化	拱	攷	調.
Môl	kho	tao	hoā	cung	chia	tiêu.
香	浩	席	客	花	欺	用.
Huang	day	tiệc	khách	hoa	khi	dung.
興	記	墮	春	鴟	睞	高.
Hsing	day	nuô	xuân	chim	thuở	ken.

案	鑑	拱	貼	疋	卷	冊
án	còn	cung	xem	ba	quyen	sach
窓	疎	扱	誼	沒	罷	聳
Song	thua	nghia	nguoi	mot	con	lau
嫩	撐	碧	碧	罢	閉	恨
Non	xanh	nuoc	bie	xua	la	hen
錦	扱	隊	欺	渚	饑	饑
Ngam	nghia	dai	khi	chua	hai	nhiem

21 a

。	四	十	一	。	。	。
	Cú	thap	nhai			
	贱	手	群	渚	掩	Traduit
	chiu	tay	con	chua	beung	
	客	吊	晦	事	抛	嵩
	khach	nao	ham	su	phao	tung
	灶	茶	燄	溜	芒	竹
	Beji	che	ham	doi	maing	truc
	娘	草	祺	搥	甃	莞
	Muong	co	cay	vai	hol	bong
	荆	永	馭	车	橘	妙
	Cua	vang	ngua	xe	khong	dieu

糲	食奴	魚心	鮀	矯	餌	嗜
Còn	no	tôm	cái	keo	thém	thuong.
山	僧	召	客	嗽	得	閑
Sơn	tăng	giêu	khách	xuì	nguvé	laj.
初	月	鯨	鯨	匣	揲	鐘
Sơ	nguyễn	kênh	kênh	đai	dong	chuông.

21B.

	四	十	二		
	Cú	thập	nhi		
罵	吱	眾	恠	些	
Mắng	che	nguôi	cay	dai	
油	劍	油	欣	默	
Dầu	kém	dầu	hân	mạc	
味	怒	固	裴	空	
Mùi	nó	có	bíu	không	có
式	箕	迄	襦	吏	兀
Thức	chia	chay	thám	lai	chay
油	台	分	買	安	油
Dầu	hay	phan	mua	yên	du
口	固	才	欣	署	分
Dau	có	tai	hân	chó	chay

Tranbit

君 子 吟 叟 尼 出 處.
 Quán tì ngâm thay noi xuát xu. .

必 罷 坤 閣 奇 和 台.
 Bí là khôn hán ca? hoà hái. .

四 十 三.
 Tứ thập tam. .

22a
 仍 仍 每 事 捷 边 遂.
 Nhưng nhưng mội sự gác bèn ngoái.
 油 特 油 輸 埃 默 埃.
 Dầu được dầu thua ai mạc ai.

味 世 間 輒 馳 涅.
 Mei thế gian nhei main nhan.

塘 名 利 固 故 英.
 Dâng danh lộc cố gõi gai.

余 得 富 貴 呀 安 分.
 Mãi nguyễn phu quý hay yên phán.

係 仇 英 雄 仍 恕 才.
 Hệ kê anh hùng nhung cay tai.

油 覓 後 生 油 易 惆.
 Dầu thay hau sinh du? so.

𦨇 箕 極 木 木 欣 聰,
Suing hia ching moc moc hin tai.

四 十 四
Bíu thập túi.

是 非 極 肩 默 吱 嘴
Ehí phi ching quan mae che khen.
愚 痪 陳 陳 性 色 情
Ngú dai tran tran tinh da quen.

景 翳 田 園 尋 准 翳
Canh cuu dien vien tim chon cuu.

客 間 山 野 養 身 間
Khaich nhán son da duong thanh nhán.

茹 橋 塘 竹 惠 恒 懈
Nhá thóng tuóng trúc long hang men.

剗 慢 壁 桃 跳 碍 蹇
Cuá man tuóng dao bieu ngai chen.

世 事 徒 環 台 搭 树
Ehí su tuán hoan hay dap doi.

曾 貼 輸 特 淢 台 番
Euing xem thua duoc mol hai phen.

228

23 a

	四	十	五.	
荆	春	葉	邀	琴
Cùa	xuân	diệp	gió	cán
味	細	台	晤	掩
Mùi	tíe	hay	thuô	em
穉	至	鑄	群	牋
Mái	giòi	vang	côn	bông
頭	嫩	鉅	屯	兔
Tóu	nóng	bae	da	tho
有	情	羅	景	鳩
Đối	tinh	lá	cảnh	chim
無	事	羅	儂	恨
Vô	sự	lá	tiễn	hận
伴	屢	耆	英	尋
Bạn	cứ	ký	anh	phai
愚	惘	派	派	合
Long	mùng	phái	phái	麵
			nhe	lộp
			läng	mái
				牀
				giảm

四 十 六
Bíu tháp lục.

23 B.

固	權	時	固	貼	得	朱
Có	quyền	thí	có	cuả	người	cho
块	本	之	油	和	咗	嘟
kè	vốn	chi	dầu	hoa	tán	đò
塊	肉	曼	裴	蛻	至	杜
kè	thịt	mản	bí	rươi	tết	đò
鉢	蒲	丸	釐	覩	兜	躊
Bát	bồ	hòn	láng	kién	lâu	bô
眾	玆	侯	下	械	君	子
Người	trí	hàu	ha	nên	quân	tử
些	凶	村	真	拱	丈	夫
Gá	ái	thôn	chan	cung	trưởng	phu

24 a

四	十	七	。
Đứ	thập	thất	
諱	時	默	諱
kho	thời	mạc	kho
強	諱	包	強
Caung	kho	lao	caung
大	地	塔	南
Dai	địa	tâi	nam

九	霄	它	北	辰	高.
Cửu	tiêu	đá-	bắc	thán	cao.
祿	欺	潭	詹	捕	欺
Lộ	khi	tám	âm	bí	lanh.
渚	睂	枯	睂	固	睂
Chó	thuở	kho	khan	có	thuở
箕	戛	蘇	秦	春	睂
Kia	neo	Đô-	Tần	xuân	thuở
渚	初	相	印	固	埃
Chùa	deo	tương	ấn	có	cháo.

XU n° 2

Tranh

四	十	八	
Đứ	thập	bát	
路	界	城	市
Lo	lá	thành	thị
特	趣	辰	欣
Đặc	thúi	thí-	hìn
俸	不	才	械
Bổng	bá	tài	kiem
穀	無	事	兵
Gia	nô	sự	la-

24 B.

vung

圖	書	沒	卷	茹	而	貼
Đô	thu	mò	guyễn	nha	lâm	cua
風	月	南五	湖	客	漫	船
Phong	nguyet	nam	ho	khach	noi	thuyen
油	恩	吱	嘴	油	哩	世
Du	nhan	chi	khen	du	ming	the
机	牟	造	化	默	自	然
Co	mau	tao	hoa	mac	tu	nhiem

四	十	九
Đô	thap	ciu
霸	得	合
Giau	nghie	hop
遣	氏	恒
Choi	ay	hang
本	性	極
Von	tinh	chang
同	身	時
Cot	than	thoi
茹	左	固
Nha	chong	co

25a

得	唉	哏	些	鞚	体	官.
Nguội	haȳ	rāng	ta	kho'	the'	quan.
嘴	嘴	與	善	包	塔.	
moáng	tiéng	rū	lành	bao	láp.	
默	埃	吱	免	默	埃	弹.
mac	aī	chē	miễn	mac	aī	dán.

五 十
Ngũ thập

Tranh

25B.

倘	莽	闊	遯	冊	免	安.
Choảng	mǎng	nǎn	chòi	sách	miễn	an.
睭	貼	景	物	客	几	間.
Nhin	xem	cảnh	vật	khách	phim	gian.
拂	披	靄	抹	芹	竹	.
Phai	pho	gió	lay	cân	trúc	.
咱	說	靄	律	荳	蘭	.
Chinh	thoát	múa	lát	cua'	lan.	
酬	祝	金	杯	味	買	醒.
Ruiuc	chuốc	kim	bōi	mùi	mua'	tinh.
香	燒	石	鼎	塊	諸	殘.
Huong	thieu	thach	dinh	khoi	chua'	tan.

勾	清	閒	讀	戈	暎	脣
Câu	thanh	nhan	doc	qua	ngay	thang.
钩	韌	帛	朱	俗	客	嘆
Khép	cua	não	cho	tuc	khach	than.

	五	十	一			
	Ngũ	Thập	Nhát			
錦	扱	山	林	悅	市	朝
Ngam	nghiep	son	lam	men	thi	trieu.
帛	兜	罟	拯	坦	唐	堯
Nao	dau	la	chang	dak	Duong	Nghieu.
聚	貪	富	貴	暎	恒	重
Nguei	tham	phu	qui	nguyi	hang	trong.
些	特	清	閒	些	舍	恠
Ea	duoc	thanh	nhan	ta	xa	yeu.
双	曰	唉	群	台	桴	槁
Song	viet	hai	con	hai	rang	quai.
室	家	拯	鬻	沒	根	蔡
Chal	gia	chang	hel	mot	canc	leu.
勑	罟	洋	洒	戈	暎	脣
Mien	la	tiem	sai	qua	ngay	thang.

祿 固 包 餽 呪 閉 餽,
Lộc cò bao nhiều ăn bay nhiều.

五 十 二
Ngũ thập nhì.

而 得 蹤 瘦 捣 唢
lâm nguyết chen choc tua hoi.

Traduit

極 怡 得 生 犧 啟
Chẳng khác nguyết sinh ghi choi.

梭 日 月 退 搭 拊
Ehoe nhât, nguyệt dua thon thoi.

盞 繁 花 呵 辣 𦨇
Dâm phòn hoa khá nhât.

花 強 誇 安 花 累
Hoa cang khoc no' hoa nêm.

涪 蒼 朱 浩 涓 忒
Nuoc chua cho day nuoc ait.

買 惕 盈 虛 佗 固
Mozi biel danh huu da co' so'.

埃及 曾 移 特 道 左,
Ai tungs di duoc dao gioi.

26B.

27a

	五	十	三	
	Ngu	thập	tam.	
心	得	辰	特	性
Lâm	nguivī	thī	tuôc	tinh
瘦	疾	自然	貼	固
Dai	rõl	nhin	xem	cō'
誇	智	誇	才	油
Khoe	tri'	khoē	tai'	du'
吱	愚	吱	瘦	勉
Chi	ngu	chē	dai'	mién
快	當	轍	聰	群
Yeu	duòng	truôc	tai'	côn
坤	窖	吟	啞	渚
Khôn	khio	uay	míeng	chuâa
油	覓	埃	嘆	時
Du	thay	ai'	than	thoi'
字	娘	無	事	小
Chu	raing	vô'	sự'	tiêu
				神仙
				thần tiên.

五 十 四
Nam muối nǚ.

27B.

涪	次	涪	漒	婆	隊	潮
Núc	xūi	núc	núc	nó̄i	tái	chīū
船	客	遡	秋	格	沛	招
Chuyén	khách	chí	thu	gác	phái	chiam t chéo
般	托	加口	揚	睬	興	
ban	thá̄c	giá̄o	giáng	thuô̄	hưng	
船	因	遯	默	干	漂	
Chuyén	nhan	gió̄	má̄c	còn	phiêu	
披	披	頭	泊	翁	勾	鯧
Pho	pho	đầu	bac	ông	câu	cá̄
汀	汀	洞	撐	琨	相	貓
Leo	leo	dòng	xanh	con	mál	meō̄
鷗	鷗	窮	些	如	同	意
Qu, lò	lò	cùng	ta	nhu	có	y
冊	兜	時	拱	貼	移	跣
Sách	dāu	thời	cung	ciā	ti	theo,

XU - 6

苦	旬	然	恭	沒	根
Chóm	tū	nhién	lén	mȭt	cán

Tradukt

28a

袂	空	汰	汰	培	紅	塵.
Quế	không	thay'	thay'	bui'	hồng	trán.
妍	行	柑,	橘	焜	隊	颯.
Ngân	hang	cam,	quýt	con	đội	cụi.
余	丁多	漁,	樵	飄	伴	親.
Ngũ	đuá	ngư,	tiêu	bäu	ban	thân.
覓	月	輪	時	咷	脰	.
Gháy	nguyệt	tròn	thí-	ke'	tháng.	
然	花	安	買	咍	春	.
Nhin	hoa	nô'	mài	hay	xuân	.

	五	十	六		
	Ngu'	thập	lục.		
係	仇	𠂇	官	𠂇	緣.
Ke~	ke'	lâm	quan	da~	duyên.
細	蹠	默	貝古	分	𠂇.
Đi	lui'	mạc	cua'	phản	nhiên.
身	碧	香	火	庄	約.
Chân	xuâ	huong	luâ	châng	con
志	颯	功	名	𠂇	wé.
Chi'	cụi	công	danh	da~	phi'
					nguyễn.

28B.

難	麌	鄙	氐	謳	畀	福
Ere	ma	sang	aí'	âu	lā	phúc
榦	特	閑	辰	論	意	仙
Gia	duéc	nhan	thuī'	tron	y'	tien
朱	躡	朱	釐	油	恩	主
Cho	ue-	cho	ə'	du-	ən	chua
磅	跔	辰	蹠	盞	剗	權
Ngai	buc	thoi	chen	dain	cua	guyen

五 十 七

Ngũ thoái thái.

審	辰	台	坎	坦	焜	燭
Ruong	thi-	hai	khom	taill	con	ong.
傑	𠂊	些	穷	矯	謾	蒙
Chay	tó	ta	cung	keo	muon	mong.
時	固	求	得	械	易	穉
Choi	co	cau	nguoii	nien	re'	mai.
名	雖	娘	諱	勦	安	憲
Danh	tuy	raung	kho'	mienn	yen	long
秋	煖	牽	竹	紅	雲	撫
Chu	em	cua	truic	hang	vân	phu

29a

春	淨	塘	花	紫	錦	丰
Kuân	tinh	đeūng	hoa	tú	cáñ	phong.
侯	裯	貼	之	腐	設	客,
Haū	laī	cuâi	chí	má	thié̄l	khieh.
沕	撞	薄?	薄?	買	銅	銅,
Oo	châng	phû	phû	maī	dóng	dóng.

Translit

五	十	八
Ngũ	thập	bát.

奉	窖	弔	埃	拯	固	芸
Vung,	kheo	não	aī	châng	có	nghé̄.
蘋	巾	沛	累	袒	妻	兒.
Kho	khan̄	phaī	luy	dén̄	thē	nhī.
特	辰	親	戚	躉	眞	至.
Duc	thoī	thân̄	thich̄	chen̄	chan̄	ten̄.
失	勢	鄉	間	請	麵	趨.
Châl	thē	huêng	lū	thinh̄	mât̄	tī.
樟	固	腥	蚤	蛛	杜	俎.
Chil	có	tanh̄	tao	nuôī	dō	dén̄.
堦	空	蜜	膜	蜋	蹠	之.
Tang	không	mât̄	mō	hiên̄	bō	chī.

XLI

29B.

世	玲	仍	重	得	夥	貼
Thế	nay	nhuêng	trọng	nguôi	nhiêu	cưa
娘	鳴	鞞	空	埃	仇	為
Péng Lâng	neú	tay	không	ai	ke	ui
	五	十	九			
	Ngũ	thập	ciù			
丕	本	惠	私	拯	拙	兜
Güi	või	long	tu	châng	chil	dau
帛	埃	畀	拯	隊	蓮	頭
Não	ai	la	châng	đoái	trên	dâu
籠	劄	洞	雲	煙	隔	
Long	cua	dòng	vân	yên	cách	
特	懸	丹	日	月	輸	
Giải	long	tan	nhật	nguyệt	thâu	
鴟	覓	嫩	高	鴟	鉢	杜
Chim	thay	non	cao	chim	đen	đo
櫛	哈	秋	鉢	櫛	強	收
Quai	hay	thu	đen	quai	cang	thu
迦	南	逕	率	身	同	在
Ngoai	nám	muối	tuổi	thân	tai	

己 卷 論 明 活 漢 飄
 Jí dǎn lùn míng huó hàn piāo.

六 十.
 Lục thập.

輕	肥	向	之	譚	開	異
Khinh	re'	lám	chi	kho	báy	la
與	善	舍	黜	漢	駒	些
Dw,	lành	xi'	bòi	mò	mình	ta
覺	身	油	色	咍	修	福
Giác	thân	du-	dǎ~	hay	tu	phúc
剃	髮	朱	誠	沛	出	家
Chei	phál	cho	nén	phái	xuál	gia
油	憫	益	猥	添	益	招
Dú	muôn	iéh	con	thêm	iéh	chau
諸	惰	餘	主	悅	榦	咤
Chó	quèn	thó	chua	mèi	thó	cha
𠂇	之	了	到	和	朱	辱
Lâm	chi	lao	dǎo	hoa	cho	nhục
求	釋 - 迦	𦥑	𠂇	底	停	茹
Câu	Chích - Ca	náo	lē	Bul	nha	.

308.

31a

	六	十	一	
	Luc	thaīp	nhâ̄k	
鑛	鉅	吊	茹	本
Vang	bac	naō	nhâ̄	固
善	台	糲	特	分
Lanh	thay	cim	būa	cō
冷	暎	冬	恒	飯
Lanh	thuō	dong	hang	an̄
煖	勝	領	矯	妥
Nong	muā	hē	keō	彌
恩	至	群	固	彌
On	giòi	côn	cō	饑
寔	道	庄	停	女
Che	chō'	chang	danh	niā
			haī	niā
			haī	niā
			kē	中
			khō'	khān

	六	十	二	
	Luc	thaīp	nlū	
蒸	艸	禍	福	得
Chung	trong	hoā	phuc	咍
哀	盛	恒	例	搭
Suy	thinh	hang	lē	對
			daī	咍

31B.

韓	-	信	誠	功	時	哿	韻
Hán	-	Tín	nén	công	thời	khai	mật
塞	-	翁	失	馬	可	珠	醫
Sài	-	Ông	thất	mã	khai	chau	máy
覲	托	黽	惆	惆	耽	耽	耽
Kiến	thái	bí	càng	đèn	đang	ngòi	.
蛛	戈	為	鉢	登	性	.	.
Ruồi	qua	vì	bát	đêng	cay	.	.
本	巵	分	色	固	性	.	.
Vốn	giết	phân	đá	cô	tinh	.	.
眞	時	咍	咍	翹	咍	懸	.
Chân	thời	hay	ha	cánh	hay	hay	.

六	十	三
Lục	thập	tam
霸	鄙	兜
Giảm	sang	đầu
貧	賤	重
Bần	tiền	trọng
貼	塊	貴
Cua	khối	giá
	láng	nhẹ
		nén
		quí
		giá

32 a

得	離	圭	福	祕	𠂇	標
Nguội	liā	quē	phúc	laiý	lām	tiêu.
餒	琨	買	惻	惠	咤	美.
Nuôi	con	mài	biết	long	cha,	me.
亂	舌	辰	傷	荒	咩,	堯.
Néu	luan	thi-	thương	dài	Chuân,	Nghieu.
返	擗	欺	弔	油	效	命.
Gáp	go-	khi	não	du-	sō'	mệnh.
𠂇	之	嘟	咀	損	功	料.
Lām	chi	do	dán	tòn	cóng	liêu.

仇	讐	如	恩	固	仇	霸.
Ke'	kho	nho-	òn	co'	ke'	giāu.
𠂇	之	嘟	咀	缺	惠	饒.
Lām	chi	do	dán	máh	long	nhan.
得	欣	些	古	時	油	丕.
Nguội	hìn	ta	thiel	thoi-	du-	vay.
帝	邇	低	躡	拯	至	兜.
Daiý	thoäng	daiý	lui	chang	đen	dau.

92B.

戰	怒	諸	牢	謳	𠙴	鉏
Dai	no	chua'	sao	au	da~	dein
坤	辰	說	號	吏	帖	婣
Khon	thi-	thuyel	truo'e	lau'	lo	sau
世	間	係	事	善	窮	與
Chi'	gian	he~	su'	lanh	cung	dui
油	覓	埃	嘆	唉	勒	頭
Dieu	thoai	ai	than	hay	lae	dau

六 十 五

而	得	咍	沒	和	咍	咍
Lam	nguvie	hay	moi	hoa	hay	hai
諸	惄	娘	欣	諸	惄	才
Cho'	cay	rang	hon	cho'	cay	tai
直	節	朱	紵	朋	鋏	破
Euc	tiel	cho	ben	beng	sal	ta
去	塘	吟	另	准	終	芳
Di	duong	gam	lanh	choi	chong	gai
榦	世	哿	快	累	貼	哿
Do	the	khai	yan	la	cuau	khai

XLI 4.21

33a

堆	菰	埃	阤	劍	之	埃.
Dai	co	ai	dē~	kém	chi	ai.
哩	得	似	蜜	味	強	吼.
Miêng	nguôi	tua	mật	mùi	càng	ngôl.
道	聖	朋	絲	緜	唉	賤.
Đạo	Thánh	béng	to	môi	hay	dai.

六	十	六	沛	時.
Luc	thập	lục	phai	thi:
油	智	愚	生	男
Đu	tri:	ngu	sinh	nam
民	罟	福	奇	兒.
Đy	la-	phúc	cā	dâng
飯	憲	廕	𦥑	𠂇
No	long	ām	cál	dai
禱	搏	南臥	霜	Nghiêu, Chuan.
Göi	vác	nám	sương	Eain, Euy.
客	釐	墻	桃	高
Khách	sō	nuôn	đào	mai
得	𢵈	遺	恰	劄
Nguôi	deo	thoi	khac	cuang
				bé.

33B

六 十 七
Luc thap ba.

余	仇	英	雄	悟	屯	頑
Maý	kē	anh	hung	ngô̄	tā	ngoan.
包	餽	塘	險	蔑	衝	乾.
Bao	nhiê̄n	duâ̄ng	hiê̄m	miê̄l	xong	cân.
亭	咍	鐸	覩	朱	得	木.
Danh	thay	vâ̄ng	dō	cho	nguôī	moc.
易	惻	錢	醇	卓	黜	干.
Rē	biê̄l	tiê̄n	giây	chāc	vaī	can.
審	吮	蛛	包	蛛	渝	澍.
Maíl	ngol	ruwī	vaō	ruwī	taim	tuwī.
餌	贊	鮀	狃	魚	梵	唯.
Mái	thom	cāi	deñ	cāi	phan	nan.
漢	家	三	傑	勦	巴	良.
Han	gia	tam	keül	trong	ba	ay.
唉	極	咍	憮	唉	窖	憲.
Oi	chang	hay	toan	ai	kheo	toan.

34a.

六 十 八
Luc thap ba.

兔	同	身	霸	路	約	𠂇.
Miີn	có	thân	giāu	lộ	uocé	ao.
倍	之	吱	劄	倍	曉	高.
Või	chi	chē	thái	uôi	trõng	cao.
得	君	子	怒	快	名	節.
Nguõi	quân	tử	nu	yêu	danh	tiết.
鴟	鳳	凰	箕	惜	羽	毛.
Chim	phượng	hoang	kia	tiếc	vui	mao.
吟	謔	南	鋪	經	史.	
Ngâm	nguõi	nám	pho	kinh	sü.	
習	情	巴	卷	畧	韜.	
Cáp	tanh	ba	quyển	luôc	thao.	
蠚	靉	停	飭	惟	春	煖.
Róng	thiêng	giānh	suc	cho	xuân	noãñ.
跕	躡	番?	之	蟠	覓	靈.
Nháy	nhôl	phiên	chi	éch	thay	dám.

34 B.

六	十	九
Lục	thập	ciu
祉	劄	欺
Lai	dai	寒
khi	dâu	khi

運	轉	它	奴	事	世	問
Vận	chuyển	đá	no	sự	thế	giān.
嚙	極	小	人	君	子	餚.
Nui	chẳng	tiểu	nhan	quân	tử	tái.
係	空	君	子	小	人	亂.
Hết	không	quân	tử	tiểu	nhan	loān.
𠵼	鶴	侯	下	誠	清	貴.
Nguội	nhiều	hậu	ha	nên	thanh	gui.
些	𠂇	村	真	倚	賤	閒.
Ea	il	thôn	chan	y'	tìn	nhan.
守	道	孝	忠	累	貼	加.
Giữ	dao	hiếu	trung	lai	cua	khai.
劖	戈	時	脣	分	些	安.
Mien	qua	ngay	thang	phan	ta	yin.

35 a

七 十

Thập tháp.

貯	輪	辰	覩	墨	辰	顛
Gian	son	thi-	do'	mực	thi-	den.
糧	惻	如	恩	暎	暎	烟.
Sang	bíll	nho-	on	thuo	bong	den.

妥	旺	勦	跣	凡	法	則
đẹn	wáng	mìn̄	theo	nài	phép	tái
細	蹠	朱	惕	璽	經	權
xi	lìu	cho	bíēl	nhē	kinh	quyền
極	誠	默	世	得	善	與
Cháng	nén̄	máēc	thé̄	nguôī	lanh̄	dú̄
踰	呂	坤	埃	遺	鉤	顛
Giaō	giò̄	khòn̄	aī	thóī	bac̄	aten̄
袞	世	固	坤	時	固	𠵼
Th'	thé̄	có̄	khòn̄	thóī	có̄	khō
字	娘	無	事	小	神	仙
Chū	ranḡ	uô̄	sē	tiêū	thán̄	tien̄

35B.

XL1, A19

	七	十	一	
	Chál	tháp	nhál̄	Traduct
夥	番	說	隣	云
Nhiêu	phen	thuyé̄l	luóng	vân
須	念	開	防	仇
Eu	niêm	quan	phóng	bé̄
槿	固	腥	蚤	蟀
Chál	có	tanh	tao	ruî̄
				miêng

𡇉	空	審	膜	覲	兜	身
Cang	không	máh	mô	kién	đem	thân
𦥑	賢	鳴	割	時	痘	𦥑
Puôl	hén	neū	câl	thoī	dau	nôl
眞	躡	汝	吊	女	感	眞
Ghân	dap	nho	não	nô	cảm	chân
庄	可	得	時	信	免	忌
Châng	khai	nguvî	thoī	tin	mén	cay
庄	親	時	本	義	鄉	鄰
Châng	thân	thī	vôn	nghia	huingga	lân

36a

	七	十	二			
	Châil	thâip	nhī			
XUÂN 20	守	呴	朱	咍	𠂔	能
	Guī	miêng	cho	hay	béng	nâng
	辰	憲	巔	剗	矣	康
	Thái	long	hom	són	hay	khâng
	挣	坤	乙	固	皮	𢃠
Tranh	giánh	khôn	ál	có	bé	laing
	覺	痖	𠂊	之	𠂔	說
	Chiêu	daī	lâm	chi	nâi	thâng
					thuyé	shot

嚙	嚙	嚙	嚙	嚙	嚙	嚙
Mâng	lâng	dû	lanh	tai	quân	lập
覓	啖	欣	舌	膾	平	左
Chay	nhic	hôn	thiêt	mât	binh	chàng
窓	軒	吽	𠂇	𦵹	貼	冊
Song	hiên	ugo'	cua'	ngôi	xem	sach
𠂇	在	𠂇	戈	利	仇	平
Eu	tai'	ngay	qua	ldé	ke'	hang

36B.

	七	十	三	
	Châl	thâp	tam	
嚙	𠂇	然	沒	丐
Chom	tui'	nhién	môl	cái
戈	日	膾	路	𦵹
Qua	ngay	thang	lo	nhiêu
遡	捲	簾	抬	𢃉
Gio'	quân	rem	thay	𣎵
𦵹	棋	𠂇	矯	畷
Giăng	ke'	cua'	keo	den
餌	唼	極	官	萋
Ciom	an	chang	quan	rau.
				cung muoi.

Trident

條 罷 些 唉 没 條 罷.
 Tiú huú ta háy mít tiú huú.

37a.
 XII, no 22

錢	財	累	數	貼	流	通
Tiền	tai	lai	số	cua	lieu	thông
板	捺	𠙴	之	朱	痔	慧
bản	nâp	lám	chi	cho	nhoe	long
貼	石	崇	弔	貼	仄	
cua	thaeh	lung	não	cua	áy	
名	巢	父	嵐	名	空	
Danh	Sao	phu	hai	danh	khong	
義	悄	可	渚	惠	楊	氏
Nghia	quen	kha	chua	long	Duong	- thi
涅	詣	恒	辰	胞	沛	公
Nel	lac	hang	thoi	gia	Bai	- cong
哩	底	名	傳	罪	事	益
Mieng	de	danh	truyen	la	su	ich
群	時	閏	事	氏	如	空
Con	thoi	muon	su	ai	nhi	khong

37B.

	七	十	五	.
	Châl	thâp	ngūī	.
貼	終	本	貼	終
Cuā	chung	vȭī	cuā	chung
机	牟	買	惕	娘
Co	mâū	méī	bié̄l	râng
鉤	鑽	畀	貝古	諸
Bac	vâng	lāī	cuā	chô̄
城	市	本	印	停
Chanh	thī	vȭī	in	dunḡ
南五	帝	賢	讓	績
Nam	dē	hién	nhuâng	tich̄
巴	王	𤧔	緺	謀
Ba	ruinḡ	con	nóī	nuī
停	台	閭	事	貝古
Danh	hay	muôn	sū	cuā
旗	至	狃	埃	埃
Co	dén	tay	aī	aī
				méī
				phâ̄l̄

七 十 六
Châl thâp lue.

Traduit

38a

盜	功	名	舍	扱	手
Đạo	công	danh	xá	cái	tay.
夥	番	色	塊	嘴	災
Nhiều	phén	đá	khối	tíng	tai.
花	梅	泊	為	腋	焰.
Hoa	mai	bac	vì	giảng	tô.
俸	竹	疎	黜	躋	抹.
Bóng	trúc	thưa	hối	gió	lay.
憂	愛	極	宵	念	跣.
Uy	ái	chẳng	quên	ném	trước.
是	非	炳	吶	事	吟.
Chí	phi	biêng	noi	sự	nay.
色	曾	硬	山	河	鵠.
Đá	tíng	trái	sơn	hà	hell.
塘	世	夥	圮	險	旭
Đường	thé	nhiều	nối	hiểm	thay.

38B.

~~100% 5~~

七	十	七	Traduit
Thất	thập	thất.	
世	間	變	
Thế	gian	biến	
		改	
		cải	
		湊	
		vùng	
		誠	
		nên	
		寢	
		giết	

饅	辣	洙	𩫑	𠂇	𠂇	裴
Man	nhal	chua	cay	dem	ngot	bui
群	鉢	群	𩫑	群	弟	子
Con	bac	con	tiен	con	tui	de
鴟	糲	鴟	醜	鴟	翁	僻
He'l	com	hil	ruou	hel	ong	tai
智	吟	調	重	得	真	寔
Xua	nay	diem	trong	nguoie	chan	thuc
埃及	乃	弔	懮	仇	待	盈
Oe'	naj	nao	ua	ke'	dai	buoi
於	世	買	咍	得	消	惡
O'	the'	mai	hay	nguoii	bae	ac
霸	辰	尋	𠂇	𠂇	尋	蹠
Giau	thi-	tim	den	kho'	tim	luu

Traduit

七	十	八
Chai	thuyt	hai

39a

龕	世	停	爭	儻	大	夫
O'	the'	duing	tranh	dang	truong	phu
𠂇	之	朱	固	事	唯	啜
Lam	chi	cho	co'	su'	dai	co

低	恆	低	坤	低	極	恆
Dây	cây	dây	khôn	dây	châng	nhin.
帝	娘	帝	沛	帝	空	輸
Dây	râng	dây	phâi	dây	không	thua.
鷗	怒	鷗	群	擲	至	蚌
Cí	nô	má	côn	tua	đến	bang.
魚連	箕	侯	易	劍	之	鷺
Liêu	kia	hâu	rē	kém	chi	cō.
字	娘	人	以	和	為	貴
Chū	râng	nhân	dī	hoā	uī	guī.
無	事	辰	欣	矯	沛	怕
Vô	sú	thī	hon̄	keō	phaī	lo.

39B.

	七	十	九			
	Châi	thâp	cùu			
沒	鉢	沒	鉢	芥	鉤	
Môl	maī	môl	cuôc	môl	cain̄	cain̄.
疎	矧	油	埃	懶	趣	吊
Cho	thoin̄	dū	aī	uū	thú	nào.
些	瘦	些	尋	圮	永	屢
Ga	daī	ta	tim̄	ndī	vâng	uē.

得	坤	得	至	准	唠	兜.
Nguī	khôn	nguī	dén	chín	lao	xao.
秋	妥	芒	竹	冬	妥	稼.
Chu	án	máng	trúc	dòng	án	giá.
春	浸	湖	莲	夏	浸	汎.
Xuân	tám	hồ	sen	ha	tám	ao.
雨	尚	檜	櫟	些	仕	汪.
Rain	dén	cái	cây	ta	se	wang.
然	貼	富	貴	似	占	包.
Nhìn	adem	phú	quí	tua	chiêm	bao.

八 十
Bát thập.

40a.

哉	尼	仁	義	似	鑛	逛.
Đại	nay	nhân	nghiā	tua	vâng	muī.
固	貼	辰	欣	鶴	每	呸.
Cố	cuai	thi	hân	hè	mơi	nhói.
駢	至	辆	空	弔	兑	晦.
Ensic	dén	tay	không	não	doái	hái.
麌	包	捷	砾	吏	惄	嗔.
Pan	vào	ganh	nặng	lai	nu	cui.

英	英	住	住	棚	噓	嗨.
Anh	anh.	chí	chí	mái	hó	hái.
醜	醜	萋	萋	設	左	哉.
Riòu	riòu,	rau	rau	thiết	ta'	tai.
景	貝古	祀	斤	些	此	找.
Nguój	cuā	laī	cân	ta	thīu	nhāc.
買	咍	娘	貝古	礮	欣	得.
Mái	hay	rāng	cuā	nâng	hin	nguój.

八 十 一
Bát thập nhất.

40B.	係	仇	撩	得	仇	沛	沛.
	hé̄	kē	triêu	nguôi	kē	phái	lo.
	拯	朋	無	事	旣	嗚	嗚.
	Cháng	bàng	vô	sự	ngay	o	o.
	痴	箕	窖	捨	群	坤	羈.
	Chi	kia	kho	nám	còn	khôn	mô̄.
	哩	怒	咍	嗔	固	日六	呼.
	llieng	no	hay	cuivé	có	lúc	ho.
	固	睞	特	時	貓	樹	猶.
	Cô	thuô̄	tuôc	thoī	meo	duôi	chuôk.

Traduit

鉢	欺	失	勢	蜋	咄	捕
Đèn	khi	thất	thé	kiến	tha	bó
特	輸	虧	買	妥	唯	吏
Đặc	thua	sau	mua	đảm	nán	lai
無	事	庄	誠	固	事	由
Không	sự	chẳng	nên	có	sự	du

41a

	八	十	二	
	Bát	Thập	Nhị	
渚	每	羨	咍	每
Chó	mỗi	duyêng	hay	mỗi
𠂇	得	唉	咍	常
Lâm	người	hai	咍	thường
楔	箕	沫	咍	擁
Khé	kia	chuá	咍	擁
蘭	怒	賛	佳	香
Lan	nó	thóm	giai	mỗi
唼	𠂇	倚	欣	噴
Qin	il	ca'	hon	倚
坤	辰	得	恠	得
Khôn	thi-	người	dai	người

恩 保 包 餡 手 盒 世.
 Nhん bǎo bao nhuién nguốc z' thí.
 极 坤 停 與 猪 央 央.
 Cháng khôn deíng rú giò uòng uòng.

41B.

X1 trang 30

八 十 三
 Bát thập tam. tradukt

鼎 合 時 得 到 猪 揚.	Chõ hop thóí đéo giò giong.
快 麻 為 固 味 香.	Yêu xa vú cõ mui huong.
於 吻 時 欣 驚 仇 重.	Ua ugol thóí hón, nhieu ke trọng.
遇 洛 墨 摊 固 埃 怡.	Quái chua ra ung, cõ ai mang.
於 固 德 善 欣 於 與.	Ø' cõ duc lanh hon Ø' du.
快 饫 捶 包 没 道 常.	Yêu nhau cháng da' mol dào thường.
八 十 四	Bát thập tư.

42a

群	沒	片	心	惠	付	淮	月	陵.
Côn	mò	tám	trái	long	phó	chôn	giăng.	
和	罷	清	潔	𠂇	凶	吊	庄.	
Hoa	lá	thanh	trắng	to'	il	náo	chăng.	
燄	穢	諸	禡	熗	味	金	石.	
Nǎi	mung	chua	chua	chin	mui	kim	thach.	
吸	吸	吊	衝	衝	幅	判	勝.	
Guǐ	gáp	náo	xông	buc	diem	dâng		
極	惻	固	梅	盈	瘦	度	嶺.	
Châng	biết	có	mai	giành	Duì	linh.		
咍	咍	沒	竹	bãi	Jiàng	江	陵.	
Hay	lá	mò	trúc	lai	láng			
渚	之	易	改	川	金	易.		
Chú	chi	dich	caí	xuyên	kim	re~.		
女	底	朱	埃	事	不	平,		
No~	de~	cho	ai	sự	bất	bình.		

	八	十	五	.
	Bát	thập	ngũ	
得	巴	得	貼	巴
Nguôi	ba	đang	eua'	ba
				loai

42B.

坤	別	朝	埃	餕	福	派
Khâm	bé̄l	chiêu	ai	nói	thám	phai
席	玉	群	慘	眾	貴	價
Xiéc	ngoc	côn	chô̄	người	gui	giá
盤	輪	唉	恃	客	高	才
Bân	son	hai	dài	khách	cao	tai
勦	厃	女	底	痴	𠵼	猝
Guóm	giòi	nô	dê	tay	pham	tuôl
鉛	月	之	朱	丁	毒	銻
Buá	nguyêt	chi	cho	duá	dóc	mái
恩	嚴	烈	燭	深	瀋	
En	nghiêm	liêt	sai	thám	thám	
鑄	逝	時	價	路	捺	埃
Vâng	muî	ting	giá	lo	gio	ai

至	生	墨	𠂇	𠂇	懶	分
Guî	sinh	ra	ál	da	giành	phân
須	唉	朱	賢	胞	固	仁
Tu	hai	cho	hiên	già	cô	nhân

43a

辯	辯	怨	身	買	弭
Khó	chó	oán	thân	mài	nhe.
霸	虧	快	眾	強	貯.
Guāi	mà	yêu	chung	cang	gān.
暴	兇	今	屯	埋	碍.
Bạo	nhüng	chin	đá	quiom	đá.
福	德	停	咍	訕	淡
Phúc	duc	giành	hay	co'	duom
芻	固	害	人	虧	益
Chó	có	hai	nhan	má	ich
猶	得	坤	捐	特	神
Giáo	nguvī	khôn	quai	duoc	linh.

3B.

窖	剗	双	離	吏	哿
Khéo	hiém	song	le	lai	tiêu.
朱	誠	貼	𠂊	義	時
Cho	nén	cua	il	nghia	nhiêu.
義	甥	為	黜	咍	容
Nghia	nhiêu	ví	bòi	hay	dung

貼	沙	因	之	丙	攢	抬
Cuāi	sāi	nhan̄	chīi	biēng	châīl	chiū.
本	性	拯	涓	曾	冉	日.
Või	tinh	châng	quen̄	tunḡ	nhiêm̄	nhâīl
携	駒	色	使	事	嘸	噭.
Nghī	mînh	dāī	traī	sú̄	sân̄	sieū.
畢	務	調	享	天	然	祿
Bôī	muā	diêū	huânḡ	thien̄	nhiêñ	loc̄.
從	且	脞	邀	墮	𡇉	堯.
Chonḡ	thāī	ngôī	choī	cuī	Chuân̄, Nghiêñ.	

	八	十	八	
	Bâk	thâp	bâl	.
呐	喊	羨	吏	娘
Noī	nêñ	duênḡ	laī	rânḡ
昂	重	朝	快	拯
Sanḡ	trunḡ	giàū	yêñ	chânḡ
趾	結	花	贊	袒
Nhī	kéī	hoā	thom̄	dōī
羨	裴	蜜	吮	吊
Mōī	buī.	maī	ngok̄	hiêñ
				毛
				tī.

青	蚕	貼	固	青	蚕	閉
Thanh	tao	cua'	co'	thanh	tao	mai.
啞	噃	𢂔	空	啞	噃	之
Nao	nuoc	tay	khong	nao	nuoc	chi.
默	惱	默	轍	欺	返	憊
Mac	rui	mac	may	khi	gai	dij.
嘴	之	吱	丙	怙	虧	之
Khen	chi	che	bieng	ghiep	ma	chi.

		八	十	九		
		Bát	thập	cuối		
納	躺	遇	戲	准	嘯	咤
Nep	minh	qua	he'	chon	xin	xao.
余	事	邊	腮	躉	退	高
May	su	ben	tai'	gio'	thoi'	gao.
牽	竹	撫	𢂔	嗔	曲	隙
Cua'	truoc	vo~	tay	cuuci	khue	khich.
軒	梅	吻	竚	喝	曉	曉
Hien	mai	vai	duing	hal	ngao	ngao
忼	離	𠵼	丕	時	油	丕
Lo	ly	da~	vay	thoi'	du	vay.

44B.

物	永	忙	包	詫	晵	包.
Vật	vuông	mang	bao	xaí	quán	bao.
拯	渴	忠	勤	台	字	民.
Chống	hết	trung	cần	hai	chu	ay.
如	欣	坦	廣	愾	厔	高.
Như	on	dall	rông	cay	guí	cao.

九 十

Cửu thập.

霸	默	分	𠙴	兜	皮
Giảm	mac	phân	kho	dâu	bi.
度	清	閑	哿	一	而二.
Độ	thanh	nhan	kha	nhail	nhi.
嘒	噭	勾	疎	屢	奕.
Kêu	váo	câu	tho	cú	rich.
啼	呵	噦	畱	喚	咷.
He	ha	chen	nivu	hang	se.
脺	清	遡	沫	畀	相
Giảng	thanh	gió	máh	lá	tuồng
涪	碧	嫩	撑	𠂊	故
Nuôi	bíe	non	xanh	ay	co
					thu.

45a

事	世	唯	吸	油	事	世
Sự	thế'	dội	co	dầu	sự	thế'.
捨	空	汰	汰	拯	兮	之
Giảm	không	thay	thay	chống	hết	chi'.

九	十	一				
Cửu	thập	nhiều				
洋	洒	自	然	必	弭	躺
xiêu	sai	tự	nhiên	để	nhé	mình.
捺	包	權	奇	盈	功	名
Nai	bao	quyền	ca'	ating	công	danh.
無	心	約	固	萋	燭	泊
Wô	tâm	uôc	có	giường	sai'	bae.
得	趣	庫	浩	瀟	沫	清
Đắc	thú'	kho	day	gió	máy	thanh.
袂	油	剔	机	造	化	
Ere'	dù'	biel	cô	tạo	hoa'	
蕤	路	服	樽	長	生	
Gia	lộ	phục	thuốc	trung	sinh	
九	十	二				
Cửu	thập	nhi				

45B.

46a.

霸	鞚	停	哈	今	分	駒
Giān,	kho	danh	hay	chin	phan	minh
余	塘	茭	格	炳	都	爭
Máy	duong	gai	goc	bing	dua	tranh
糲	妥	拯	管	味	奢	泊
Còn	tan	chang	quán	mui	xa	, lac.
禊	默	悒	之	片心	積	善
Qio	mac	nê	chi	tâm	rach,	lanh
蹠	檜	蒙	夥	得	隱	逸
Dap	goi	mong	nhiêu	nguội	an	dai
辯	懸	吏	想	盞	功	名
Ban	long	lai	tuong	áng	công	danh
朱	穀	搬	那	艸仲	蒼	賤
Cho	nén	nan	na	trong	lêu	tiên
因	沫	躄	貼	睞	太	平
Nhan	mal	ngoi	xem	thuo	thai	binh

九 十 三
 Cửu thập tam
 買 富 貴 黝 時 運
 Mai phu qui boi thoi van

Tranxit

46B.

湏	念	昂	藏	趣	養	身
Eu	ném	ngang	tàng	thú'	duồng	thân
興	意	哩	吟	勾	國	語
Hưng	yí	míng	ugiam	câu	quốc	ngữ
解	煩	痴	祝	嘒	琼	春
Giải	phiền	tay	chuốc	chan	quýnh	xuân
塘	花	嘲	客	桶	睞	桶
Đāng	hoa	cháo	khách	mål	nhin	mål
許	杏	退	得	蹠	磅	蹠
Ngō	hạnh	trú̄a	nguộī	chán	ngaī	chán
喟	固	埃	嘆	時	仕	吼
Daū	có	aī	than	thí̄	sē	nhú̄
太	平	天	子	太	平	民
Chái	bình	thiên	tử	thái	binh	dân

九	十	四
Cửu	thập	tứ
道	德	賢
Đạo	đức	hiến
權	門	准
Quyền	môn	chẩn
台	勉	𦵹
thay	miễn	kho
丙	村	蹠
biêng	thôn	chan

47a

雨	風	月	茶	巴	戰
Ruồi	phong	nguyệt	chá	ba	chien.
趣	清	閑	藜	沒	恨
Chí	thanh	nhan	lí	mò	cán.
挾	剗	儒	慘	客	坦
Quiết	cua	rô	chó	khách	dein.
掩	掩	德	底	混	妥
Gorz	eay	duc	de	con	ain.
特	輸	富	貴	油	天
Duitc	thua	phu	gui	dú	thien
躉	賴	𠂇	之	朱	瘡
Chen	lam	lam	chi	cho	nhoc
					nhän.

九	十	五	.
Cửu	thập	ngũ	.
強	勁	幃	沒
Cang	dén	míng	mò
賴	辰	拯	凶
Nhiều	thi	cháng	il
猶, 犹	唉	特	蓮
Hieu, uai	hay	duoc	ruing
			bac.

47B.

鯢	魚	群	條	帶	波	東
Du	viếc	còn	chó	duôi	bé	dòng
南	-策	醜	濃	群	漫	骨
Nam	- sach	nóu	nóng	còn	mùn	cốt
西	真	橘	𠵼	買	拏	茫
Đi	chân	quả	ngó	mua	tâm	bóng
極	蒙	立	待	双	群	問
Chẳng	mong	rai	đợi	song	còn	muôn
丕	狃	幃	餽	沒	麵	空
Vậy	dei	mìng	nhau	một	mặt	không

九	十	六	.
Cửu	thập	lục	.
字	為	畀	𠵼
Chữ	vì	là	biết
𠂇	娘	極	事
Ha'	ráng	chẳng	誠
者	婆	吏	味
Gia'	rau	lai'	mùi
唸	𧆚	群	𠀧
Ném	éch	còn	giống
		thẩm	mang
		có	.

48a

擗	韜	群	除	戈	鬪	𠂇
Kuôl	mål	côn	trǖ	qua	muī	nó.
猝	縛	吏	忼	動	棱	庄
Rül	giây	laī	nē'	döng	ruäng	chäng.
油	埃	護	論	調	善	與
Dǖ	aī	nghî̄	luän̄	deū̄	lanh̄	dū.
字	為	畀	為	炳	炳	能
Chǖ	wī	lā	uī	bienḡ	bienḡ	nanḡ.

九 十 七.

默	吱	吼	默	快	當
Maē	chè	rē'	maç̄	yêu	đương.
無	事	辰	欣	女	王
Vô	sw̄	thī-	hìn̄	miā	ngoc̄, vanḡ.
秋	月	翫	燭	通	紫
Chū	nguyêt̄	sanḡ	saī	thônḡ	tuī
春	花	櫛	妥	熒	府
Xuân	hoa	dua	nō'	rò̄'	phū.
曲	文	詩	讀	薨	光
Khúc	vân	thō	đọc	doī	quanḡ.

48B.

福	太	平	如	主	禹	湯
Phúc	thái	bình	nho	chúa	Yu	Chang.
些	屯	清	閑	得	富	貴
8a	da	thanh	nhàn	nguội	phù	guì
颺	盤	埃	固	特	台	塘
Đè	bàn	ai	cô	đipec	hai	dâng

九	十	八
Cửu	thập	bát
霸	𠂇	姦
Giảu	lâm	khó
霸	署	諱
Giảu	chó	càng
嘯	矯	矜
Quí	kiêu	shó
嘯	慴	憲
Quí	biết	kinh
嘯	敬	蓮
Quí	trên	trên
嘯	運	蓮
Quí	dài	dài
嘯	悞	憲
Quí	dài	dài
嘯	添	添
Quí	thêm	thêm

49a

九 十 九
Cửu thập cửu.

默	埃	良	智	默	埃	才
Mac	ai'	raing	tui'	mac	ai'	tai'
宜正	麵	屯	咍	凍	糾	菲
Ngay	mien	tau	hai	dong	cu	khoai.
猶	隊	威	捨	虧	嗚	畧
Cao	dai	ui	hum	ma	nal	chung.
蛛	狼	雠	驥	隴	誇	得
Puoi	nueng	duoi	ky	luong	khoe	nguoi.
人	推	朱	惻	蓀	罢	芸
Nhan	suy	cho	biek	cho	bau	ughe.
巴	鉢	浩	尼	拱	若	鴻
Ba	bal	dai	nay	cung	luc	vui.

一百.

Nhai bach.

49B.

極	坤	拯	瘦	隴	央	央
Chang	khon	chang	dai	luong	uong	uong.
惻	沒	康	康	守	道	常
Biek	mol	khang	khang	giu	dao	thuong.
鑄	鉅	餉	馟	械	畧	易
Vang	bac	no	nguoi	nem	chung	re?

襖 粗 劍 伴 固 埃 怨.
áo, cùm kém bàn có ái mang.
清 間 些 免 安 隊 分.
Chanh nhán ta miễn yên đội phân.
默 仇 坤 積 仇 担 當.
Mạc ke' khôn ngoan ke' đảm dang.

完.